

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 17 - 01 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Tổng V, sinh năm 1962; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 49/6, đường Khúc Thừa Dụ; khóm Bình L, phường Mỹ B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 96/6I, khóm Đông Th, phường Mỹ Ph, thành phố X, tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 281, Quyền số 01 SCT/CK,ĐC ngày 08/9/2021 của Văn phòng công chứng Huỳnh Minh Hoàng); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Phước Tr, sinh năm 1967; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 150^A/8, khóm Bình Th, phường Bình Kh, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2021 của ông Lưu Tổng V; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông V là ông Nguyễn Lưu Q trình bày:

Do quen biết nên ngày 09/3/2018, ông Lưu Tổng V có cho ông Trần Phước Tr vay số tiền là 100.000.000 đồng; lãi suất vay là 02%/tháng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày vay đến ngày 09/3/2020; khi vay có lập Hợp đồng vay tiền, Văn bản thỏa thuận lãi và Biên nhận nhận nợ do ông Tr trực tiếp viết và ký tên. Ông Tr trả lãi vay đầy đủ đến ngày 24/6/2019 được 14 tháng với tổng số tiền lãi là 28.000.000 đồng thì vay tiếp của ông V số tiền là 40.000.000 đồng vẫn với mức lãi suất là 02%/tháng nhưng thời hạn vay chỉ 09 tháng kể từ ngày vay đến ngày 09/3/2020, có lập Phụ lục hợp đồng ngày 24/6/2019 do ông Tr trực tiếp ký tên xác nhận. Tuy nhiên, sau đó ông Tr không trả vốn, không trả lãi của cả hai lần vay mặc cho ông V nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở.

Vì vậy, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tr phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ vốn gốc của cả 02 lần vay là 140.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định tính từ ngày 24/6/2019 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm có khấu trừ lại số tiền lãi mà ông V đã nhận tổng cộng là 28.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Trần Phước Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Tr đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Tr vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lưu Tổng V khởi kiện yêu cầu ông Trần Phước Tr phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn của vụ án là ông Tr có địa chỉ nơi cư trú tại số 150^A/8, khóm Bình Th, phường Bình Kh, thành phố X, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Tr là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông V yêu cầu ông Tr phải có nghĩa vụ trả dứt số tiền vay còn nợ của lần vay ngày 09/3/2018 là 100.000.000 đồng và lần vay ngày 24/6/2019 là 40.000.000 đồng; tổng cộng là 140.000.000 đồng cùng lãi phát sinh. Chứng minh cho yêu cầu của mình, ông V cung cấp bản gốc Biên nhận ngày 09/3/2018 thể hiện số tiền vay là 100.000.000 đồng và Biên nhận ngày 24/6/2019 thể hiện số tiền vay là 40.000.000 đồng xác định đều do ông Tr trực tiếp viết và ký tên.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Đối chiếu quy định cho thấy việc ông V cung cấp bản chính Biên nhận ngày 09/3/2018 và Biên nhận ngày 24/6/2019 là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh của mình. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Tr vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên tòa để đối chất, đối chiếu các khoản nợ, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, chứng cứ cũng như trình bày của nguyên đơn sẽ là cơ sở để HĐXX xác định việc các bên có giao kết hợp đồng vay tiền với nhau và hiện bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền vay vốn gốc như nguyên đơn trình bày là có thật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

Số tiền lãi phát sinh được tính như sau: $140.000.000 \text{ đồng} \times 1,667\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 71.881.039 \text{ đồng}$, làm tròn 71.881.000 đồng; khấu trừ số tiền lãi ông V đã nhận là 28.000.000 đồng còn 43.881.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền cả vốn lẫn lãi mà ông Tr phải có nghĩa vụ trả cho ông V là 183.881.000 đồng. Trong đó vốn gốc là 140.000.000 đồng và lãi phát sinh là 43.881.000 đồng.

[3] Án phí:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Yêu cầu khởi kiện của ông Văn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000626 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh An Giang.

Ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là $183.881.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.194.050 \text{ đồng}$, làm tròn 9.194.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lưu Tổng V. Buộc bị đơn ông Trần Phước Tr có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Tổng V tổng số tiền vay cả vốn lẫn lãi là 183.881.000 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu tám trăm tám mươi một nghìn đồng*). Trong đó vốn gốc là 140.000.000 đồng và lãi phát sinh là 43.881.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000626 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh An Giang.

Ông Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 9.194.000 đồng (*Chín triệu một trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp. X;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Xuân Thu

